



# Dấu ấn phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử qua trường từ vựng chủ tình yêu đôi lứa

□ NGUYỄN THỊ THANH ĐỨC\*

## 1. Dẫn nhập

1.1. Trường từ vựng là khái niệm có mặt trong hầu hết các công trình từ vựng học. Điều này là tất yếu, bởi lẽ, nghiên cứu từ vựng của một ngôn ngữ, người ta phải có cái nhìn hệ thống. Dưới cái nhìn hệ thống, từ không hề tồn tại riêng rẽ, mà bao giờ cũng thuộc về một tập hợp nào đó. Nói cách khác, nếu từ vựng là một hệ thống lớn, thì nó bao hàm trong đó những phân hệ. Việc phân loại từ theo cấu tạo, nguồn gốc, tính chất ngữ pháp... đều cho ta những phân hệ như thế.

Trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, F. de Saussure đã chỉ ra “*Giá trị của bất cứ yếu tố nào cũng do những yếu tố xung quanh quy*

*định*” [5, tr. 224] và “*Phải xuất phát từ cái toàn thể làm thành một khối để phân tích ra những yếu tố chứa đựng*” [5, tr. 220].

Ở Việt Nam, Giáo sư Đỗ Hữu Châu là người nghiên cứu sớm và có nhiều công trình về lý thuyết trường. Định nghĩa trường của ông được rất nhiều người chấp nhận và sử dụng phổ biến: “Trường từ vựng là một tập hợp các đơn vị từ vựng căn cứ vào một nét đồng nhất nào đó về ngữ nghĩa” [1, tr. 110]. Vì là một tập hợp, nên có người gọi đó là *xêri từ vựng*, *dãy từ vựng*. Tương đồng với định nghĩa của Đỗ Hữu Châu là giải thích của Nguyễn Thiện Giáp: “Trường từ vựng của một trường nghĩa là tập hợp các từ ngữ có những đơn vị từ vựng cơ sở cùng thuộc

\* TS - Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An

trường nghĩa này” [3, tr. 544].

Bản thân từ ngữ trong một ngôn ngữ không bao giờ tự xếp thành trường. Do đó, trường là kết quả nghiên cứu về từ vựng của các nhà khoa học. Trường, trong tư cách là đối tượng của ngôn ngữ học chưa bao gồm vấn đề hành chức. Khi ngôn ngữ văn chương trở thành đối tượng nghiên cứu, trường mới thực sự gắn với hành chức. Mỗi trường từ vựng trong văn bản nghệ thuật là kết quả sự lựa chọn từ ngữ một cách sáng tạo của nhà văn. Một sự phân biệt như trên để thấy rằng, nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả, không thể bỏ qua các trường từ vựng in đậm dấu ấn riêng về bản sắc, cá tính, giá trị nghệ thuật và công phu sáng tạo của người nghệ sĩ.

1.2. Trường từ vựng - ngữ nghĩa không phải là độc quyền của bất cứ tác giả nào. Nói cách khác, các nhà văn, nhà thơ khác nhau đều có thể có chung những trường từ vựng - ngữ nghĩa. Chẳng hạn, trường *mùa xuân*, trường *tình yêu*, trường *cô đơn* không chỉ có ở “ông hoàng thơ tình” Xuân Diệu, mà còn rất phổ biến trong Thơ mới, xuất hiện trong các sáng tác của Nguyễn Bính, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Bích Khê... Trường *xê dịch*, *trường ảm thực* đều có mặt ở các sáng tác trước cách mạng của Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Thạch Lam... Nhưng đi vào khảo sát, phân tích cụ thể, ngay trong một trường, cách sử dụng từ ngữ ở các tác giả không hề giống nhau. Đó chính là chỗ biểu hiện phong cách.

## 2. Trường từ vựng tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử

### 2.1. Một số tiền đề

Tình yêu là chủ đề muôn thuở trong thơ ca. Tất cả các cung bậc ái, ố, hỉ, nộ với những trạng thái, cấp độ khác nhau đều được các thi sĩ đưa vào trong thơ một cách có chọn lọc thông qua nghệ thuật ngôn từ. Với một con người đa sầu đa cảm như Hàn Mặc Tử thì tình yêu không êm đềm, bình lặng mà nó luôn ở

trạng thái cực cấp của khát khao, đau thương, giằng xé, quằn quại, tuyệt vọng... Chu Văn Sơn từng nhận xét: “Sang *Gái quê* thì cái tôi Cổ điển đã nhường chỗ cho cái tôi lãng mạn. Nó hiện ra trong hình ảnh một chàng trai khí huyết mà khao khát yêu đương thường cháy bỏng, thậm chí luôn rạo rục dục tình. Thiên nhiên - giang sơn, cũng nhường chỗ cho thiên nhiên - vườn tình, mỗi một lùm cây, bãi cỏ, dòng nước, triền đồi, khóm nhà... đều hiện ra như những tiểu cảnh Đào nguyên, nơi nảy nở duyên tình và hẹn hò tình tự” [6, tr.119].

Biết bao hình bóng giai nhân, như Mộng Cầm, Hoàng Cúc, Mai Đình, Thương Thương, Ngọc Sương, Thanh Huy,... đã đi vào thơ Hàn Mặc Tử “Mỗi cái tên ấy là một nguồn tình, một nguồn thơ nhưng cũng là một nguồn đau” [31, tr.120]. Có những người chưa từng gặp mặt cũng khiến nhà thơ đem lòng thương nhớ và để lại dấu ấn sâu sắc, xuất hiện trở đi trở lại trong thơ, chẳng hạn như nàng Thương Thương: *Tôi lại gần bên, ô! Lạ Thường!/ Nường trắng, ô! Chính là Thương Thương* (Tiêu sầu),.../ *Hỡi Thương Thương người ngọc của lòng anh* (Duyên kỳ ngộ); hay người bạn văn chương Mai Đình: *Chửa gặp nhau mà đã biệt ly/ Hồn anh theo dõi bóng em đi/ Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió/ Lưu luyến bên em chẳng nói gì* (Lưu luyến);...

“Hình ảnh các Giai nhân ngự trị trong cõi thơ Tử từ *Gái quê* cho đến *Đau Thương*, *Thượng Thanh Khí*, *Cắm châu duyên*, *Duyên kì ngộ*, *Quần tiên hội*... dù đó là những cô gái quê trong đời hay những người trong mộng, dù là những người ngọc trong sách hay tiên nữ, thánh nữ ở cõi tiên cõi trời... ai cũng phải mang chung một vẻ đẹp: Trinh khiết Xuân tình” [6, tr.123]. Chính họ đã đem đến nguồn cảm hứng lãng mạn bất tận cho thơ Hàn Mặc Tử.

### 2.2. Đặc điểm trường từ vựng chí tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử

#### 2.2.1. Khảo sát định lượng

Trong 119 bài thơ khảo sát của Hàn Mặc Tử, có 98 bài thơ có sử dụng từ thuộc trường từ vựng tình yêu (chiếm trên 82%), với 587 lượt sử dụng (trung bình sử dụng gần 5 lượt/ bài).

Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Bích Khê đều là

những nhà thơ viết nhiều và thành công trong các bài thơ chủ đề tình yêu. Vậy, trường từ vựng chỉ tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử có nét gì khác biệt so với các nhà thơ trên? Để trả lời cho câu hỏi này, trước hết, chúng tôi tiến hành khảo sát về mặt định lượng:

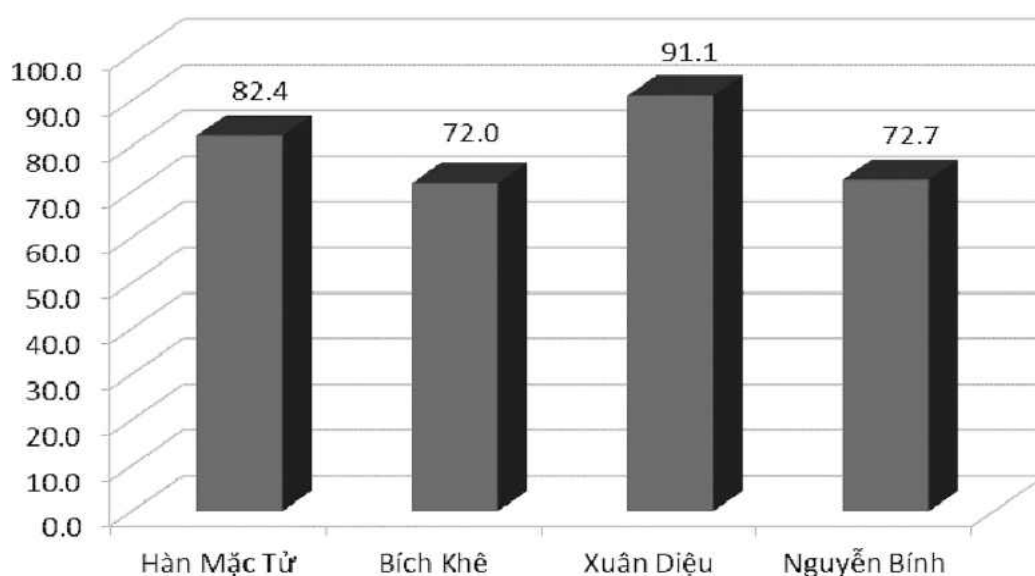
*Bảng 1: Trường từ vựng tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính*

|             | Tổng số bài khảo sát | Tổng số bài sử dụng | Tổng số lần sử dụng | Tỉ lệ bài sử dụng (%) | Tần suất xuất hiện trong bài |
|-------------|----------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|------------------------------|
| Hàn Mặc Tử  | 119                  | 98                  | 587                 | 82.4                  | 4.9                          |
| Bích Khê    | 82                   | 59                  | 268                 | 72.0                  | 3.3                          |
| Xuân Diệu   | 90                   | 82                  | 630                 | 91.1                  | 7.0                          |
| Nguyễn Bính | 88                   | 64                  | 543                 | 72.7                  | 6.2                          |

So với các nhà thơ nói trên, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ bài sử dụng trong thơ Hàn Mặc Tử cao hơn thơ Nguyễn Bính và thơ Bích Khê, chỉ thấp hơn thơ của “ông hoàng thơ tình” Xuân Diệu mà thôi. Nếu xét bình quân số lần xuất

hiện ở mỗi bài thì con số này ở thơ Hàn Mặc Tử chỉ cao hơn Bích Khê. Mặc dù vậy, trung bình xuất hiện 5 lượt từ vựng tình yêu trên một bài thơ cũng phản ánh mức độ sử dụng khá cao trường này trong thơ Hàn Mặc Tử.

*Biểu đồ 1: Tỉ lệ bài thơ sử dụng trường từ vựng tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính*



Căn cứ vào nghĩa, có thể phân loại trường từ vựng chỉ tình yêu trong thơ thành 3 tiểu trường nhỏ hơn: *danh từ chỉ người, sự vật;*

*động từ chỉ hoạt động; tính từ chỉ tính chất, trạng thái trong tình yêu.* Tỉ lệ sử dụng các tiểu trường này ở mỗi nhà thơ mỗi khác:

Bảng 2: Tiểu trường từ vựng tình yêu đôi lứa trong thơ Hàn Mặc Tử,  
Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

| TIỂU TRƯỜNG                       | HMT        |            | BK         |            | XD         |            | NB         |            |
|-----------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                                   | SL         | TL (%)     | SL         | TL (%)     | SL         | TL (%)     | SL         | TL (%)     |
| Danh từ chỉ người, sự vật         | 131        | 22.3       | 40         | 40         | 112        | 17.8       | 109        | 20.1       |
| Động từ chỉ hoạt động             | 295        | 50.3       | 136        | 50.7       | 349        | 55.4       | 317        | 58.4       |
| Tính từ chỉ tính chất, trạng thái | 161        | 27.4       | 92         | 34.3       | 69         | 26.8       | 117        | 21.5       |
| <b>TỔNG</b>                       | <b>587</b> | <b>100</b> | <b>268</b> | <b>100</b> | <b>630</b> | <b>100</b> | <b>543</b> | <b>100</b> |

(1) Tiểu trường danh từ chỉ người, sự vật trong tình yêu

Tiểu trường này bao gồm những danh từ chỉ người, chỉ sự vật mang tính biểu trưng và các từ được danh hoá từ các động từ/ tính từ chỉ trạng thái. Trong thơ Hàn Mặc Tử, tiểu trường này chiếm 22.3% trên tổng số từ thuộc trường tình yêu. So với các nhà thơ khác, tỉ lệ này cao hơn hẳn.

Các từ thuộc tiểu trường trên có thể kể đến: *tình, tình yêu, tình duyên, tình thương, tình si, tình ái, ái tình, mối tình, mộng tình, mộng tân hôn, mộng biệt ly, duyên, duyên nợ, duyên tơ, trần duyên, đường duyên, mối sầu, niềm thương, niềm hận, niềm ly hận, nỗi bề bàng, nỗi yêu thương, nỗi thâm thương, nỗi ai bi,...* Trong số đó, *tình, tình ái/ ái tình, duyên* là được lặp lại nhiều lần nhất.

Tiểu trường này cũng bao gồm các danh từ gọi nhân vật trữ tình: *người thương, người yêu, yên ương, tình nương,...* Ngoài ra, các sự vật hiện thực, mang tính biểu trưng như: *cau, trâu, cau trâu, pháo đỏ, rượu hồng,...* cũng được xếp vào tiểu trường này. Các sự vật này thường ít khi thể hiện cái kết có hậu của một mối tình đẹp, mà thường khép lại một cuộc tình, khơi dậy nỗi đau, sự thất vọng trong tâm hồn thi sĩ.

(2) Tiểu trường động từ chỉ hoạt động trong tình yêu

So với tiểu trường chỉ người, sự vật và tiểu trường chỉ tính chất, trạng thái trong tình yêu, tiểu trường chỉ hoạt động ở cả bốn nhà thơ đều chiếm tỉ lệ cao nhất, đều trên 50%. Khảo sát thơ Hàn Mặc Tử, chúng tôi nhận thấy có 295 lượt động từ thể hiện các hành động và tâm trạng trong tình yêu, chiếm 50.3% - thấp nhất so với các nhà thơ còn lại. Các động từ thuộc nhóm này có thể chia làm hai nhóm nhỏ hơn: a/ Nhóm động từ thể hiện tâm trạng: *nhớ, nhớ mong, mong mỏi, buồn lo, giận, hờn, tương tư, tơ tưởng, yêu, băn khoăn, xao xuyến, hồ nghi, nao nức, quyến luyến, rung động, làm thình, quên, hận, oán hận, hối hận, mắc cỡ, say, say mê, mơ ước, ước ao,...* b/ Nhóm động từ thể hiện hành động: *ôm, hôn, ghen, tìm, níu, đón, gặp, làm quen, rủ rê, theo dõi, trông thấy, thổ lộ, giải bày, mừng tượng, năn nỉ, nũng nịu, làm duyên, quẩn quýt, khóc, trách, âu yếm, hẹn, thề, kết duyên, lấy (chồng), hứa, hiểu, cầm (tay), trêu, phụ rẫy,...*

(3) Tiểu trường tính từ chỉ tính chất, trạng thái trong tình yêu

Trong 587 lượt từ vựng chỉ tình yêu đôi lứa, Hàn Mặc Tử sử dụng 161 lượt tính từ chỉ tính chất, trạng thái, chiếm 27.4%. Tỉ lệ này

thấp hơn Bích Khê nhưng cao hơn Xuân Diệu và Nguyễn Bính. Lớp từ thuộc tiểu trường trên thể hiện rõ các cung bậc cảm xúc khác nhau trong tình yêu: có tích cực, có tiêu cực và có cả trạng thái bàng khuâng, mơ hồ. Khi vui, nhà thơ sử dụng các từ ngữ: *hạnh phúc, sướng, vui, mừng, đê mê, tê mê, say mê, mê sướng, rào rạt, rộn rã, đắm đuối, ngất ngây, tha thiết, đắm say, mê mẩn, khoan khoái, khoái lạc,...* để diễn tả tâm trạng hạnh phúc, ngất ngây khi yêu và được yêu. Ngược lại, nhà thơ dùng những từ mang ý nghĩa tiêu cực hoặc lớp từ cực tả để giải bày nỗi buồn bã, thất vọng tột độ khi bị người yêu phụ bạc, khi tấm chân tình trao đi mà không được nhận lại: *hờ hững, hững hờ, lạnh lùng, lạnh nhạt, vô tâm, buồn, buồn buồn, buồn bã, buồn thiu, sâu, sâu u, sâu muộn, bi thiết, rầu rầu, bồi bồi, cô đơn, bơ vơ, u uất, tức tối, chán chường, chê chán, héo hon, tê tái,...* Có một nhóm từ khó có thể xếp chúng vào một trong hai kiểu loại trên, đó là những chỉ những trạng thái khác nhau của những người đang yêu buổi ban đầu hay đang đắm say, mê mẩn trong tình yêu: *hồi hộp, ngẩn ngơ, ngây tình, bẽn lẽn, thẹn, thẹn thò, ngượng nghịu, thơ thẩn, ngây dại, khờ dại, bối rối, thấp thỏm, cuồng dại, điên cuồng, thốn thức, chơi vơi, nao nao, vấn vương, sượng sùng, man mác,...*

Qua khảo sát thơ của bốn nhà thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính, có thể cảm nhận được rất rõ sự khác biệt về quan điểm trong tình yêu của mỗi nhà thơ. Chính sự khác biệt này đã làm nên những phong cách thể hiện, diễn đạt, miêu tả về tình yêu không giống nhau giữa các nhà thơ. Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính thể hiện sự chân chất, mộc mạc, e ấp, với nhiều tương tư, chờ đợi, buồn phân ly vì người yêu đi lấy chồng: *nhớ, thương, sâu, cô đơn, đợi, lỡ,...* Khác với Nguyễn Bính, tình yêu trong thơ Xuân Diệu đắm say, tha thiết, cuồng quýt với một nguồn sống dạt dào, khát khao tận hưởng cuộc đời đầy thanh sắc nhưng ngăn ngủi của mình; cho nên, thơ

Xuân Diệu xuất hiện nhiều các từ: *yêu, nhớ, thương, hôn, vui, hạnh phúc, tình yêu,...* Đôi khi, vì quá nồng nhiệt, quá vội vàng trong tình yêu mà thơ Xuân Diệu đi vào chỗ “quá đà”, không dừng ở những vần thơ trong sáng, hiền lành mà đã tiến sang nhục dục. Riêng về việc thể hiện tình yêu gắn với sự gắn gũi về thể xác thì không ai có thể bằng Bích Khê. Thơ Bích Khê ngập tràn những “cảnh nóng”, “da thịt”... và trạng thái tiêu cực trong tình yêu, cho nên, trong thơ ông xuất hiện nhiều từ: *buồn, sâu, khóc, lệ, khoái lạc, ôm...* Còn thơ Hàn Mặc Tử, dường như là sự dung hoà nhiều màu sắc: có những dòng thơ nhẹ nhàng, mộc mạc kiểu Nguyễn Bính; có những câu nồng nàn, cuồng quýt kiểu Xuân Diệu, có kiểu khát khao yêu của Bích Khê. Mặc dù cùng thuộc trường phái thơ loạn, thơ điên với Bích Khê nhưng Hàn Mặc Tử có sự đấu tranh giữa thơ trinh bạch và thơ có nhiều yếu tố nhục dục, cuối cùng, ông không sa đà vào nhu cầu thể hiện xác thịt như Bích Khê. Như chúng tôi đã lý giải ở trường tôn giáo, có lẽ, chính vì theo đạo nên những ràng buộc của giáo lý trong vấn đề đạo đức cá nhân đã khiến ông phải tiết chế bản thân và tiết chế cả việc thể hiện trong thơ.

### 2.2.2. Những giá trị biểu hiện

*Thứ nhất*, niềm khao khát yêu và được yêu. Khi phải đối mặt với ranh giới mong manh của sự sống và cái chết, Hàn Mặc Tử càng khao khát sống, khao khát được yêu hơn bao giờ. Bởi thế, trong trái tim nhà thơ lúc nào cũng *rào rạt* và đầy ắp những ước mơ: *Lòng ta rào rạt như làn sóng/ Ta đang khao khát tình yêu thương* (Tiếng vang), *Mộng uyên ương đang khi tìm rào rạt* (Khói hương tan),...

Hàn Mặc Tử yêu trong thâm kín, khao khát yêu nhưng nhiều khi lại không dám tỏ bày, vì sợ *mắc cỡ*, sợ thời gian, sợ hy vọng lấm rồi lại thất vọng nhiều: *Say mơ vương phải mùi hương ướp/ Yêu cái môi hường chẳng nói ra* (Âm thầm), *Tôi không muốn gặp người tôi yêu/ Có lẽ*

vì tôi **mắc cỡ** nhiều/ **Sắc đẹp** nỡn nà hay **quyến luyến**/ **Làm tôi hoa mắt** nói không đều (Tôi không muốn gặp),... Và rồi, ông chỉ dám trộm nhìn: **Hé nhìn** dáng điệu của người yêu (Tôi không muốn gặp) và yêu một cách lặng lẽ,...

*Thứ hai*, tình yêu say đắm, *tê mê* và *rũ liệt*. Thơ Hàn Mặc Tử thể hiện rõ sự mãnh liệt, tha thiết của nhà thơ trong tình yêu. Những câu thơ thể hiện nội dung này rất gần với những câu thơ thể hiện sự vội vàng, cuống quýt trong tình yêu của Xuân Diệu. Hàn Mặc Tử yêu nhiều, yêu đến si dại, *đê mê*: **Nhớ** lăm lăm như **si** như **dại**/ **Nhớ** làm sao **bãi hoải** tay chân/ **Nhớ** hàm răng, **nhớ** hàm răng/ **Mà** ngày nào đó vẫn **khăng khít** nhiều/ **Dấu đau đớn** vì lời **phụ rầy**/ **Nhưng** mà ta không lấy làm điều... (Muôn năm sâu thẳm), **Với đôi tay** này trút hết **đê mê** (Đàn ngọc), **Tình** tôi **ghen** hết thú vô biên (Ghen),...

Hàn Mặc Tử chủ yếu chỉ nói đến niềm hạnh phúc, đắm say ở thời điểm hiện tại: **Bây giờ** đây quán quít, **hiện** bây giờ/ **Chỉ** biết có đôi ta là **đang sống**/ **Đang** cho nhau ngọt ngào và **đang** mộng/ **Cố** làm lơ không biết đến thời gian (Đôi ta). Quá khứ thì đau buồn, tương lai thì vô định, mờ mịt, vì thế, nhà thơ chỉ biết sống hết mình với hiện tại *bây giờ*.

*Thứ ba*, tình yêu với nhiều buồn đau và chia ly. Trong các bài thơ của Hàn Mặc Tử, có rất ít bài viết về tình yêu mà vui tươi, rộn rã. Qua khảo sát, chúng tôi chỉ thống kê được một số ít câu: **Hơi** nắng dịu dàng **đầy** **nũng nịu**/.../ **Tình** thay! **Một** vẻ ngọt và ngon/.../ **Lòng** ta **rộn rã** **nổi** **yêu** **thương** (Nắng tươi), **Sột** soạt **gió** **trêu** tà áo biếc (Mùa xuân chín),... Đôi khi, chỉ trong mộng ảo, nhà thơ mới tìm được tình yêu *đằm thắm*, *sáng láng* tựa ánh trăng: **Anh** đã **đón** **tình** em hay **phát** **phối**/ **Như** hương **trăng** **đằm** **thắm** **côi** không **gian**/.../ **Và** tình ta **sáng** **láng** như **trăng** **thanh** (Sáng láng). Nhà thơ đắm mình trong không gian mơ hồ, bay bổng, đầy ánh sáng đó. Đọc thơ Hàn Mặc Tử, ta cảm nhận được rõ nỗi buồn hơn niềm vui. Chính vì yêu say đắm, nồng nàn, mãnh

liệt nên khi không được đáp lại, nhà thơ không khỏi rơi vào trạng thái buồn bã, đau đớn và tuyệt vọng. Trước tình đời nhạt nhẽo, lòng người *phụ rầy*, người yêu đi *lấy chồng*, Hàn Mặc Tử chỉ biết buông lời khẳng định: **Minh** ơi, ta vốn **khách** **đa** **tình**/ **Nhưng** mỗi **tình** ta **toàn** **nhạt** **cả** (Nói chuyện với gái quê), **Em** **lấy** **chồng** rồi **hết** **ước** **mơ** (Em lấy chồng);... Mộng vỡ, tình tan, Hàn Mặc Tử đau về thể xác một phần, đau về tinh thần mười phần: **Dấu** **đau** **đớn** vì lời **phụ** **rầy** (Muôn năm sâu thẳm), **Một** **hồn** **đau** **rã** **lần** **theo** **hương** **khói** (Trường tương tự)...

Ngay cả khi chưa gặp, ông đã nghĩ đến ly biệt: **Chứa** **gặp** **nhau** mà đã **biệt** **ly** (Lưu luyến II), **Anh** **biết** **trước**: **sẽ** **có** **ngày** **cách** **biệt** (Trường tương tự). Ta cũng bắt gặp ý này trong thơ Xuân Diệu: **Trong** **gặp** **gỡ** đã **có** **mâm** **ly** **biệt** (Giục già). Đây có lẽ là sự đồng điệu giữa tâm hồn của các thi sĩ. Do có quá nhiều người đến rồi lại đi nên Hàn Mặc Tử coi biệt ly như một điệp khúc buồn: **Cứ** **biệt** **ly** **rồi** **lại** **biệt** **ly** **thôi** (Tình hoa), **Than** **ơi** **đời** **biệt** **ly** **chan** **chứa**/.../ **Sao** **thơ** **anh** **nhuộm** **toàn** **màu** **ly** **biệt**/ **Rên** **không** **thôi** và **nức** **nở** **cả** **ban** **đêm** (Duyên kỳ ngộ), **Cứ** **khóc** **đi** **cho** **hoàn** **mộng** **biệt** **ly** (Nói tiên tri);...

*Thứ tư*, tình yêu thường được đề cập song hành với cái chết. Vì mắc căn bệnh quái ác nên ông luôn linh cảm và đoán định trước một ngày mình ra đi: **Ta** **trút** **linh** **hồn** **giữa** **lúc** **đây**/ **Gió** **sầu** **vô** **hạn** **nuối** **trong** **cây**/ **Còn** **em** **sao** **chẳng** **hay** **gì** **cả**/ **Xin** **để** **tang** **anh** **đến** **vạn** **ngày** (Trút linh hồn), **Thưa** **tôi** **không** **dám** **mê** **say**/ **Một** **mai** **tôi** **chết** **bên** **khe** **Ngọc** **tuyền** (Một miệng trăng),... Trong tình yêu, ông cũng không nguôi quên đi cái chết đang rình rập để cướp đi sinh mệnh, cướp đi hạnh phúc đương thì của mình: **Tình** **ta** **chết** **yeu** **tự** **bao** **giờ** (Trút linh hồn), **Một** **mai** **kia** **ở** **bên** **khe** **nước** **ngọc**/ **Với** **sao** **sương**, **anh** **nằm** **chết** **như** **trăng**/ **Không** **tìm** **thấy** **nàng** **tiên** **mô** **đến** **khóc**/ **Đến** **hôn** **anh** **và** **rửa** **vết** **thương** **tâm** (Duyên kỳ ngộ), **Ta** **đến** **nơi** **Nuòng** **áy** **vắng** **lâu** **rồi**/ **Nghĩa** **là** **chết** **từ** **muôn**

*trăng thế kỷ* (Phan Thiết! Phan Thiết),...

Tóm lại, mặc dù tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử thường không đến được bến bờ hạnh phúc hôn nhân, song cũng đủ cho nhà thơ cảm nhận được những cảm xúc khác nhau mà nó mang lại: khi thì dịu nhẹ, mơ hồ, băng khuâng; khi lại nồng nàn, mê mẩn, cuồng nhiệt; và có khi lại cay đắng, đốn đau,... Bằng việc lựa chọn vốn từ vựng chỉ tình yêu đôi lứa và cách tổ chức ngôn từ này trong thơ, Hàn Mặc Tử đã tạo ra những vần thơ xót xa như chảy ra từ tâm can, từ xương tuỷ của một tâm hồn quá ư sâu khổ. Chúng đầy ma lực và gọi lên sự đối lập giữa thế giới thực tại đau thương và thế giới mộng ảo mông lung, đầy ánh sáng lạ kỳ.

### 3. Kết luận

Khảo sát trường từ vựng tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử, mặc dù, đó cũng là trường tương đối phổ biến, có thể bắt gặp ở tác phẩm của nhiều cây bút khác cùng thời, tuy nhiên, qua khảo sát, chúng tôi thấy, đây là trường từ vựng mang dấu ấn cá tính sáng tạo rất riêng của Hàn Mặc Tử. Nghiên cứu cách sử dụng ngôn ngữ tác giả từ tư liệu thống kê ngôn ngữ học, một mặt được miêu tả định lượng một cách hệ thống, mặt khác, được đối sánh với các tác giả cùng thời nhằm làm nổi bật một bình diện phong cách ngôn ngữ tác giả Hàn Mặc Tử. Cách sử dụng từ độc đáo trong thơ của Hàn Mặc Tử ở chỗ lựa chọn, sử dụng các từ có ngữ nghĩa liên quan với nhau, ràng buộc và chi phối lẫn nhau để phát huy hiệu quả biểu đạt cao nhất; nghĩa là, các từ cùng một trường nghĩa.

Các kết quả phân tích và lý giải số liệu các đơn vị từ ngữ cho thấy việc dùng từ trong các trường nghĩa trong thơ Hàn Mặc Tử đã đem lại cho thơ một hình thức diễn đạt đậm dấu ấn cá nhân: vừa cụ thể, thực tại, vừa mơ hồ, siêu thực; đồng thời đem đến cho ngôn ngữ thơ một khả năng vô tận trong việc chuyển tải những cảm xúc tinh tế, những tâm trạng bí ẩn, những tình cảm bi thương của thế giới tâm hồn con người.

Các từ trong trường tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử bộc lộ niềm khao khát yêu đương say đắm, mê mẩn và một niềm khát sống mãnh liệt. Với Hàn Mặc Tử, không chỉ ở các từ biểu hiện các cung bậc tình yêu mà ngay cả thân xác đau đớn, rã rời cũng là một loại tín hiệu thẩm mỹ. Bản năng và khát vọng sống hoá thân thành cảm hứng sáng tạo thi ca, vượt lên cái dục vọng tham sinh úy tử thông thường. *Tình yêu đôi lứa* đã trở thành một đối tượng thẩm mỹ, hiện diện trong tư cách một thứ ngôn ngữ. Trong thơ Hàn Mặc Tử, *tình yêu* là các giá trị. Cái giá trị ấy được chứng cất từ sự nhận thức của quy luật về đời người, về thời gian, về luật sinh, thành, trụ, hoại, diệt của tạo hóa. Cái giá trị ấy dù được đề cập với các mức độ khác nhau, nhưng nó biểu hiện cho sự khao khát tình yêu tột cùng, là hành trình đi tìm khoái cảm của đời sống tinh thần, kiếm tìm tình yêu, hạnh phúc. □

---

### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, H.
2. Phan Cự Đệ (1997), *Hàn Mặc Tử tác phẩm phê bình và tưởng niệm*, Nxb Giáo dục, H.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
4. Đặng Lưu (2010), *Phong cách ngôn ngữ Nguyễn Tuân*, Đề tài NCKH cấp Bộ, Trường Đại học Vinh.
5. F. de Saussure (2006), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (Cao Xuân Hạo dịch), Nxb Giáo dục, H.
6. Chu Văn Sơn (2007), *Ba đỉnh cao Thơ mới (Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử)*, Nxb Giáo dục, H.
7. Đỗ Lai Thúy (2000), “Hàn Mặc Tử - một tư duy thơ độc đáo”, in trong *Mắt thơ*, Nxb Lao động.